

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Vũ Xuân Vương

ông Trương Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị P, sinh năm: 1998; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 1, ấp 1, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Duy B, sinh năm: 1989; nghề nghiệp: lao động tự do; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 4, ấp 4, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lê Thị P trình bày: sau khi ly hôn người chồng đầu tiên khoảng 01 năm, chị và anh B đã tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào năm 2017. Đây là hôn nhân lần thứ hai của chị P và là hôn nhân đầu tiên của anh B. Ngay sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng và

giữa chị với gia đình chồng đã xảy ra mâu thuẫn liên quan đến số vàng cưới khi hai vợ chồng được gia đình cho. Gia đình anh B nói rằng số vàng cưới chỉ là để lấy tiếng với họ hàng nên yêu cầu chị trả lại, đồng thời yêu cầu chị phải đi làm để trả 10 triệu đồng, là tiền nợ khi cha mẹ anh B mua vàng. Ngoài ra, cha mẹ anh B không cho vợ chồng chị gần gũi, là vợ chồng nhưng buộc phải ngủ riêng. Anh B lại nghe lời cha mẹ nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Chỉ sống chung được 01 tháng sau khi kết hôn thì ly thân tới nay. Mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế nên chị yêu cầu được ly hôn anh B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn (anh Nguyễn Duy B) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cả 02 phiên tòa nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp. Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P ly hôn anh B; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết; về án phí: chị P chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Duy B nên xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị P là nguyên đơn, anh B là bị đơn. Xác định được anh B hiện tại đang cư trú tại xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (chị Lê Thị P) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Nguyễn Duy B) đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị P và anh Nguyễn Duy B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 18/4/2017, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P nhận thấy: Theo trình bày của chị P thì ngay sau khi cưới nhau không được bao lâu vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh B nghe lời cha mẹ hắt hủi, nghi ngờ chị, vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng mà anh B đã 02 lần đuổi chị ra khỏi nhà và cha mẹ chồng vu khống chị lấy cắp tiền. Mặc dù không thu thập được lời khai của anh B về mâu thuẫn vợ chồng nhưng theo lời khai của ông Nguyễn Duy V (là cha ruột của anh B) cho thấy: do mâu thuẫn nên vợ chồng chị P, anh B chỉ sống chung với nhau tại nhà của ông trong khoảng thời gian 01 tháng thì ly thân đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống của chị P, vợ chồng mâu thuẫn từ việc chị P không chịu đi làm, anh B làm được bao nhiêu tiền thì chị P tiêu xài hết; ông cũng nghi ngờ chị P lấy trộm tài sản của gia đình ông nhưng không đề nghị cơ quan nào điều tra xử lý; bản thân ông V cũng cho rằng vợ chồng chị P, anh B nên ly hôn do anh B nói là hai người không thể tiếp tục chung sống nữa và ông cũng không chấp nhận một người con dâu có lối sống quá khác gia đình ông. Từ những chứng cứ nêu trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị P và anh B đã tới mức trầm trọng, thực tế thì đời sống chung không còn tồn tại, hôn nhân không hạnh phúc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P ly hôn anh B.

[3] Về con chung: đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Lê Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; Điều 56 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Nguyễn Duy B.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét.
3. Về án phí: chị Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số 004121 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị P đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam